CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP

Ngày 31/03/2025	74,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.3%	**7.3%**	**8.0%**

DT thuần
Q1/25
1,843
tỷ VNĐ
QoQ: ▼157| -7.9%
YoY: ▲ 1,031| 127%

LN thuần
Q1/25
376
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,342| -78.1%
YoY: ▲ 253| 205%

LN sau thuế
Q1/25
366
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,174| -76.3%
YoY: ▲ 247| 207%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
36.0%
YoY: +/-▼ 66.8%

ROE (TTM)
Q1/25
11.6%
YoY: +/-▲ 0.9%

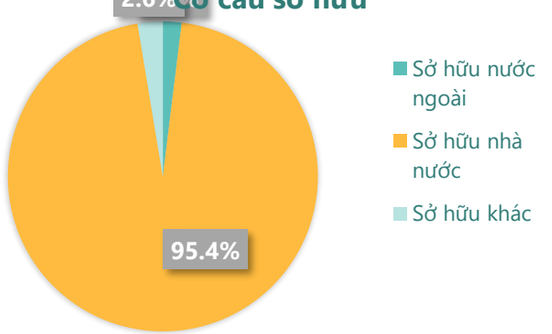
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	49,743 - 81,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	77,418
Số lượng CPLH (CP)	1,035,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	762,740
Sở hữu nước ngoài	2.0%
Beta	1.17
EPS	2,266
P/E	33.0

DT thuần
2024
5,239
tỷ VNĐ
YoY: ▼2,644| -33.5%

LN thuần
2024
2,590
tỷ VNĐ
YoY: ▼215| -7.7%

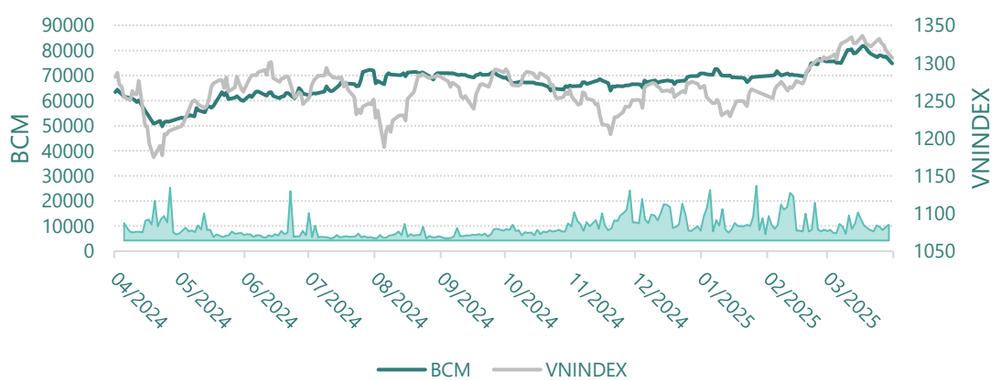
LN sau thuế
2024
2,395
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 115| 5.0%

Cơ cấu sở hữu

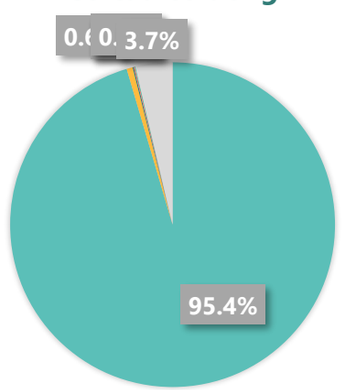


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

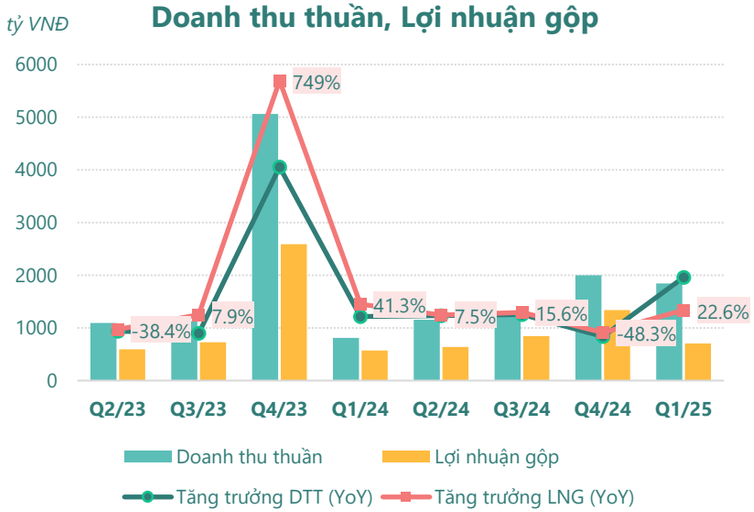


- UBND Tỉnh Bình Dương
- Nguyễn Văn Hùng (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Phú Thịnh (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Phạm Ngọc Thuận (Tổng giám đốc)
- Giang Quốc Dũng (Phó Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

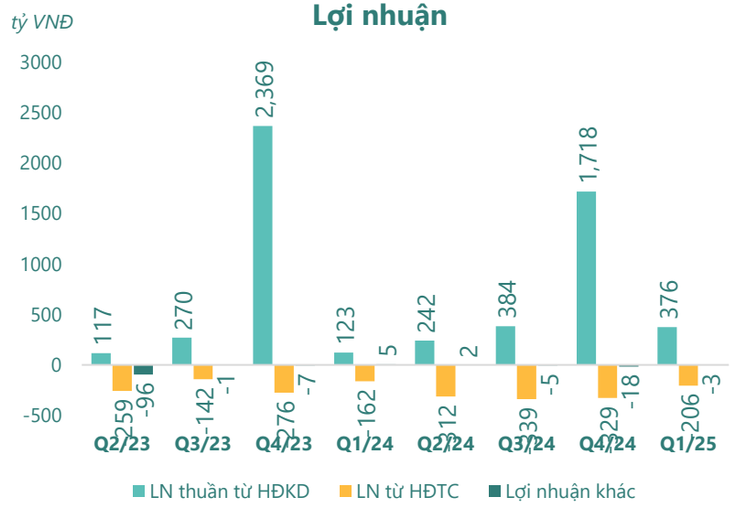
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



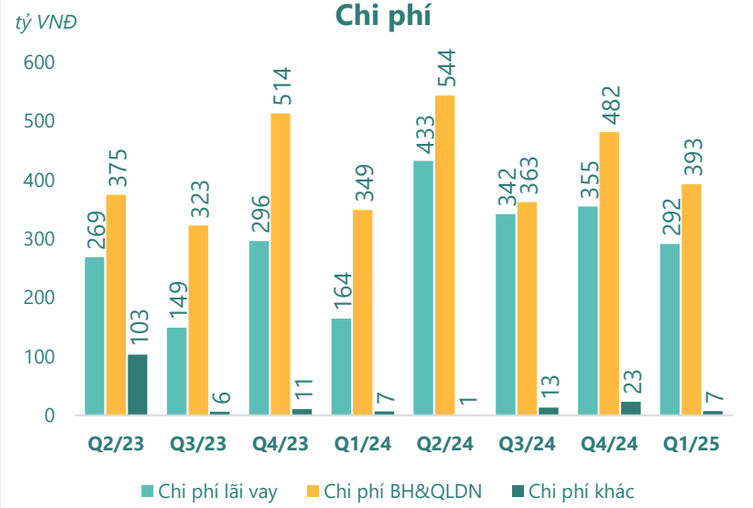
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



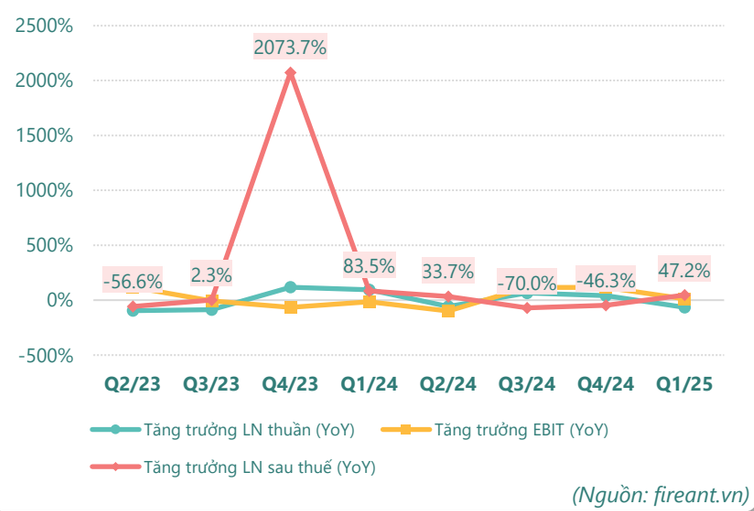
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



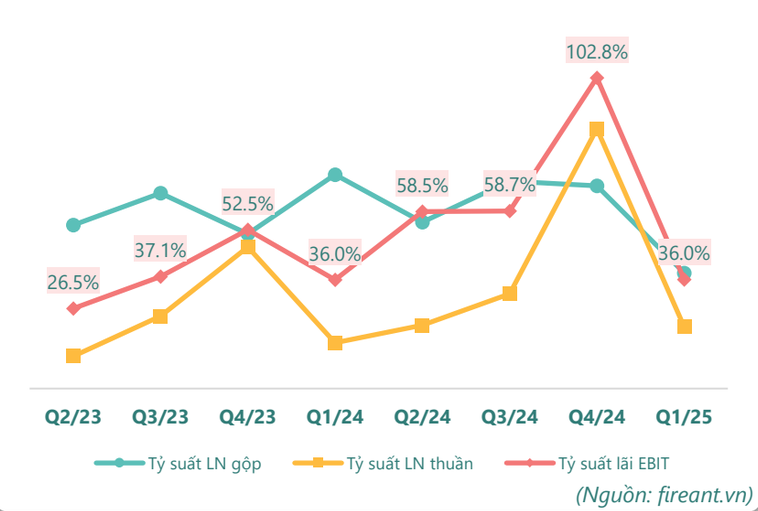
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

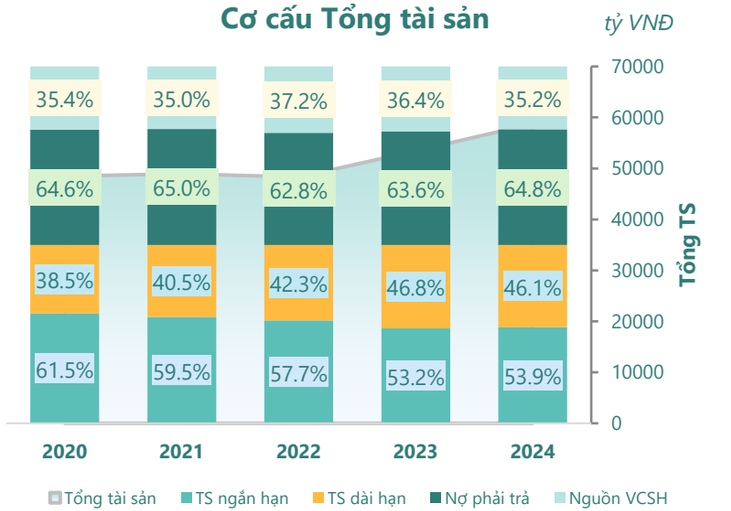
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

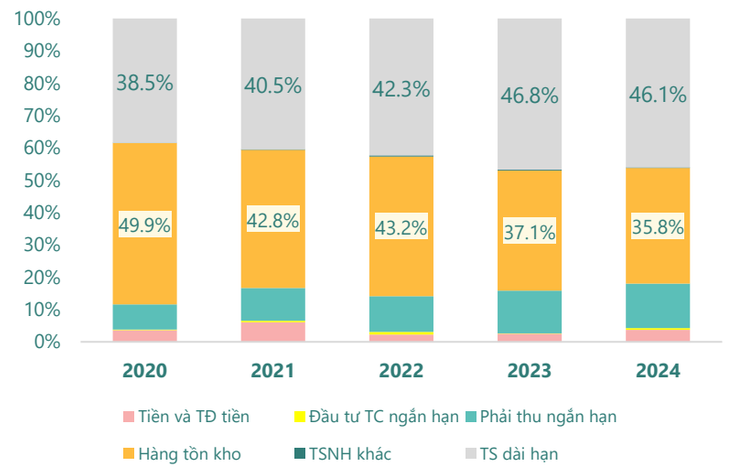
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



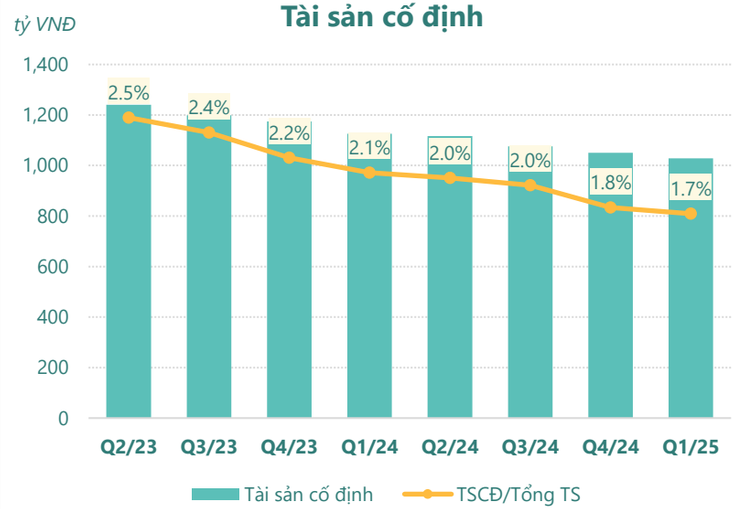
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



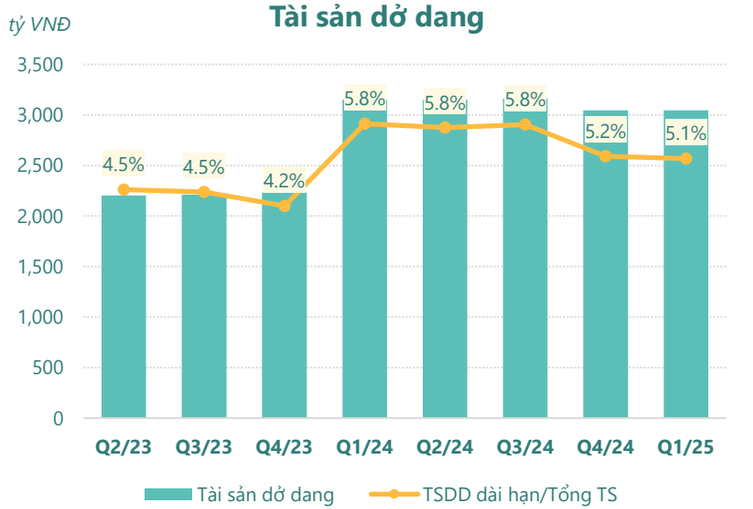
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



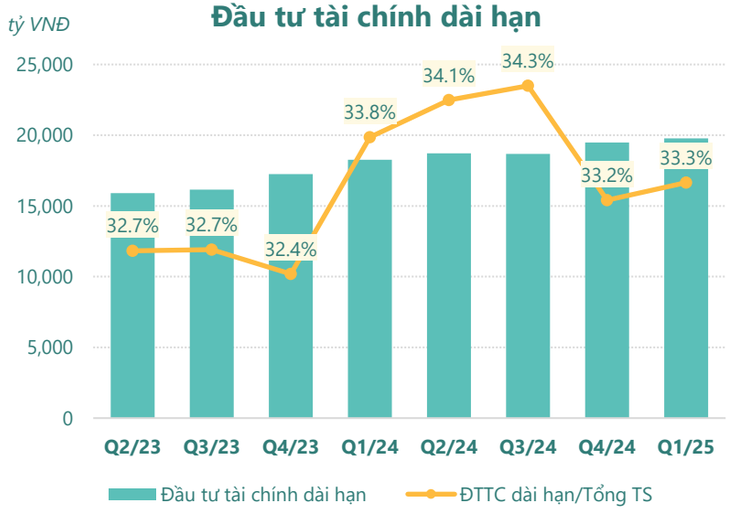
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



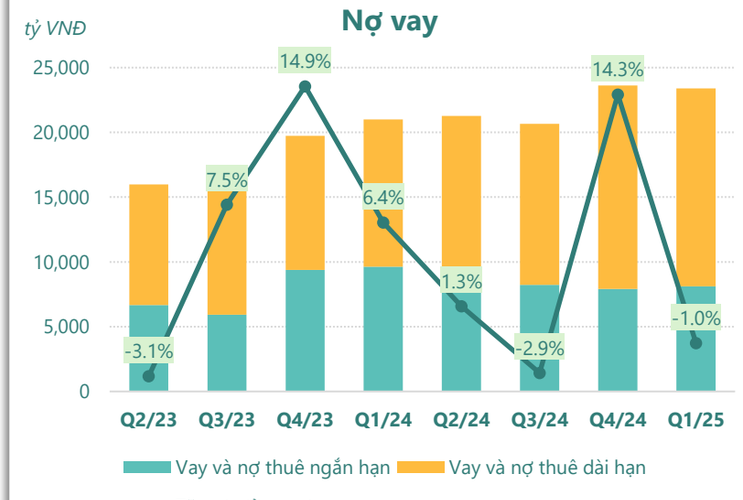
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

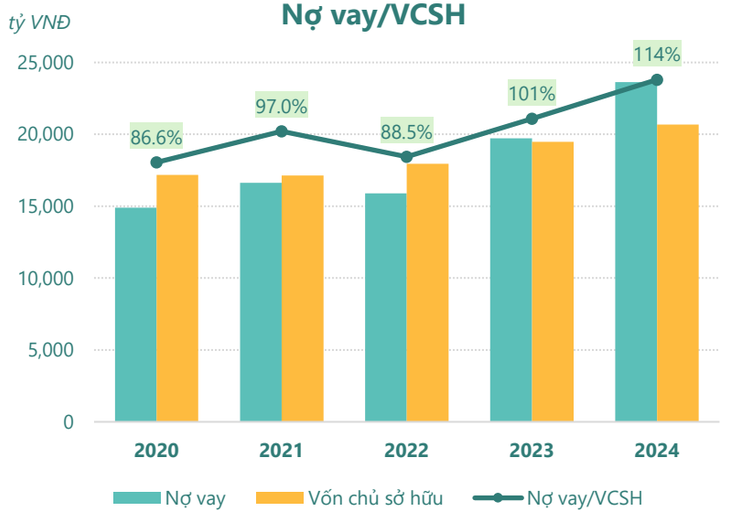
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

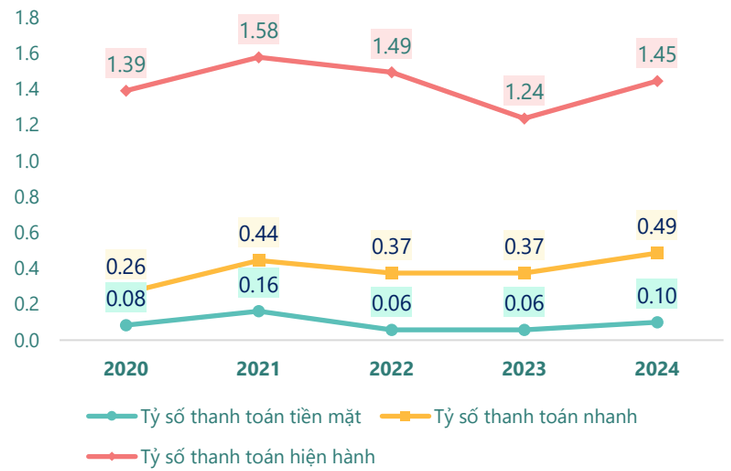
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



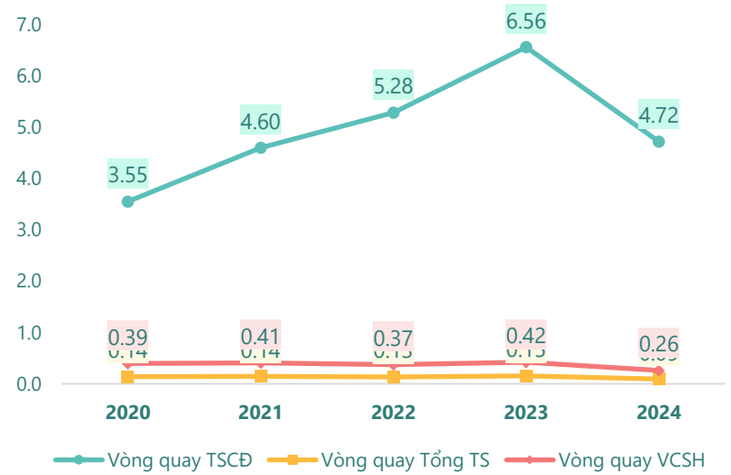
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



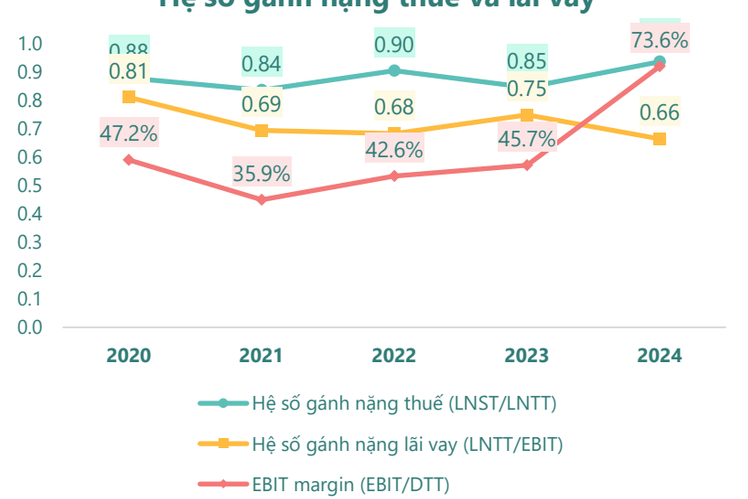
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



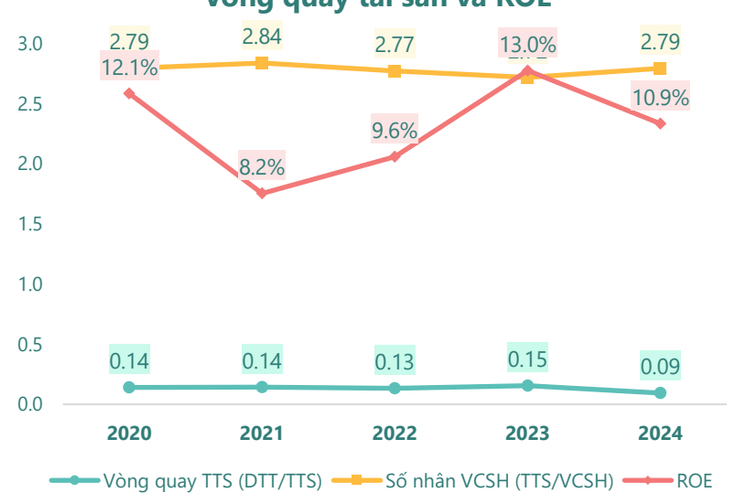
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



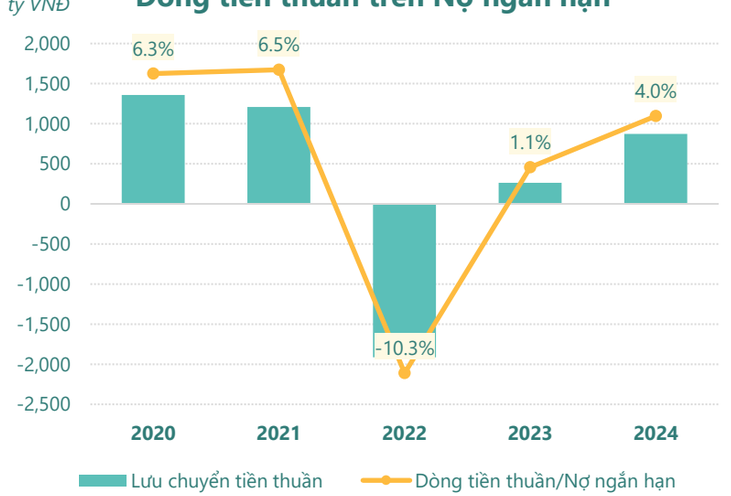
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,843**	**812**	**127%**	**5,239**	**7,883**	**-33.5%**
Giá vốn hàng bán	1,138	237	380%	1,741	3,635	-52.1%
Lợi nhuận gộp	704	574	22.7%	3,498	4,248	-17.6%
Doanh thu HĐTC	102	2.74	3622%	168	131	28.0%
Chi phí TC	308	164	88.1%	1,310	906	44.6%
Chi phí lãi vay	292	164	77.8%	1,295	906	42.9%
LN trong công ty LKLD	**271**	**59.5**	**356%**	**1,948**	**798**	**144%**
Chi phí bán hàng	257	203	26.4%	1,067	873	22.2%
Chi phí QLDN	**137**	**146**	**-6.4%**	**646**	**592**	**9.2%**
LN thuần từ HĐKD	376	123	205%	2,590	2,805	-7.7%
Lợi nhuận khác	**-3.31**	**4.56**	**-173%**	**-30.5**	**-108**	**71.8%**
LN trước thuế	372	128	191%	2,559	2,697	-5.1%
Lợi nhuận sau thuế	**366**	**119**	**207%**	**2,395**	**2,280**	**5.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**358**	**118**	**204%**	**2,187**	**2,423**	**-9.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-702	876	-374	-1,060	-219	-737
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-88.1	-1,031	-229	216	-114	-186
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,529	1,303	220	-589	1,880	-266
Tiền đầu kỳ	593	1,332	2,480	2,096	663	2,205
Lưu chuyển tiền thuần	**739**	**1,148**	**-384**	**-1,433**	**1,547**	**-1,190**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	0	0	0	0.02	0
Tiền cuối kỳ	1,332	2,480	2,096	663	2,210	1,015

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**59,301**	**58,781**	**0.9%**
Tài sản ngắn hạn	32,104	31,704	1.3%
Tiền và tương đương tiền	1,015	2,205	-54.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	317	300	5.8%
Phải thu ngắn hạn	8,878	8,064	10.1%
Hàng tồn kho	21,797	21,055	3.5%
Tài sản ngắn hạn khác	96.8	80.4	20.4%
Tài sản dài hạn	**27,197**	**27,077**	**0.4%**
Phải thu dài hạn	322	413	-22.1%
Tài sản cố định	1,028	1,062	-3.2%
Bất động sản đầu tư	2,640	2,662	-0.8%
Tài sản dở dang	3,047	3,046	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	19,765	19,493	1.4%
Tài sản dài hạn khác	**394**	**400**	**-1.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	38,256	38,102	0.4%
Nợ ngắn hạn	**21,968**	**21,930**	**0.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8,116	8,444	-3.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	565	575	-1.8%
Nợ dài hạn	16,288	16,172	0.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	15,271	15,184	0.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**21,045**	**20,679**	**1.8%**
Vốn chủ sở hữu	**21,045**	**20,679**	**1.8%**
Vốn điều lệ	10,350	10,350	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)